

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày: 15-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Thoan;

Bà Lê Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường Nhà văn hóa Khu phố 2, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà. Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn V**; sinh năm 1988, tại Quảng Trị; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố Đ, phường Đ L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 12/12; Bố: Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; Mẹ: Phan Thị Thu H (đã chết); Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con đầu trong gia đình. Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1989; Có 02 con: Cháu lớn sinh năm 2013, cháu nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2018 đến ngày 01/2/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Thị H**; Tên gọi khác: P; sinh năm 1991, tại Quảng Bình; Nơi cư trú: Không xác định; Nơi tạm trú: Khu phố T, Phường M, thành phố Đ, tỉnh

Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Phạm Thanh X; Mẹ: Hoàng Thị T (đều đã chết); Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là thứ 4 trong gia đình. Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2018, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm T**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1987, tại Quảng Trị; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố Đ, phường ĐL, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Bố: Phạm Đình N, sinh năm: 1953; Mẹ: Nguyễn Thị X, sinh năm: 1956; Anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là thứ 5 trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2018 đến ngày 01/2/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 23/01/2018, Nguyễn Văn V rủ Phạm T mua ma túy hồng phiến về cùng sử dụng, T đồng ý. Do không biết người bán nên V gọi điện thoại cho Phạm Thị H rủ góp tiền mua ma túy hồng phiến sử dụng, H đồng ý lấy tiền của mình mua ma túy rồi về góp sau.

H gọi điện cho một người thanh niên tên C E X (không rõ lai lịch địa chỉ) hỏi mua 03 viên ma túy, người này đồng ý bán với giá 300.000 đồng và hẹn H đến khu vực nhà hàng T C 3 thành phố Đ để giao.

Sau khi mua được ma túy, H gọi điện báo cho V biết rồi cả 03 đến nhà trọ B A số 26 đường H T, thành phố Đ thuê phòng số 5 để sử dụng. Tại đây, V trả cho H 200.000 đồng tiền góp mua ma túy, trả 80.000 đồng tiền thuê phòng, mua 01 chai nước lọc 10.000 đồng còn lại 10.000 đồng V cho H. Khi đang chuẩn bị sử dụng thì Công an thành phố Đông Hà kiểm tra, phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang.

Theo kết luận giám định số 133/KLGD ngày 29/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị: 03 viên nén màu hồng trong phong bì ký hiệu M gửi đến giám định có khối lượng 0,2702g, là ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 32/QĐ/CT-VKSDH ngày 04/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Thị H và Phạm T về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Áp dụng:** Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn V từ 12 đến 15 **tháng tù**.

- **Áp dụng:** Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Thị H từ 12 đến 14 **tháng tù**.

- **Áp dụng:** Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm T từ 09 đến 12 **tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 23/01/2018, Nguyễn Văn V, Phạm Thị H, Phạm T đã có hành vi mua 03 viên nén màu hồng là ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,2702g mục đích để sử dụng, trong lúc đang chuẩn bị sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, điều luật có khung hình phạt tù từ một năm đến năm năm.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, là nguyên nhân gây nên các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây mất trật tự trị an địa phương và tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc, tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "*Thành khẩn khai báo*" quy định tại Điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T tham gia với vai trò thứ yếu, sau khi V sử dụng ma túy bị cáo chỉ đến phòng trọ và đang chuẩn bị làm công cụ sử dụng thì bị bắt nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp*

ít nghiêm trọng” tại điểm i khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo V, T có xác nhận của chính quyền địa phương hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Xét vai trò và mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo thấy rằng bị cáo V là người giữ vai trò khởi xướng, rủ rê T và H mua ma túy sử dụng, V chi trả tiền mua ma túy và tiền phòng trọ, nước lọc để thực hiện việc sử dụng ma túy. Bị cáo Hằng là người trực tiếp mua ma túy, chuẩn bị ống nhựa để làm công cụ sử dụng ma túy. Bị cáo T đang làm công cụ sử dụng ma túy thì bị bắt quả tang. Căn cứ vào mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng cần xử phạt các bị cáo V và H ở mức hình phạt ngang nhau và cần cách ly các bị cáo V, H ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Ban hành quyết định tạm giam bị cáo H thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án. Đối với bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tham gia với vai trò đơn giản, thứ yếu nên cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Zono của V, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia của H, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung của T đều sử dụng vào việc liên lạc để sử dụng ma túy cần căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Một gói niêm phong có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, ký hiệu MT43/PC54 gồm 03 viên nén màu hồng không có giá trị sử dụng nên cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc tịch thu và tiêu hủy.

Số tiền thu giữ của bị cáo H 480.000 đồng, trong đó có 200.000 đồng là tiền V đưa cho H để trả tiền mua ma túy cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 280.000 đồng của Hằng không liên quan đến tội phạm cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn V, Phạm Thị H** (Tên gọi khác: P), **Phạm T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2.

- Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Nguyễn Văn V 13 (mười ba)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Thời hạn tạm giữ từ ngày 23/01/2018 đến ngày 01/2/2018 được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Phạm Thị H 13 (mười ba)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 23/01/2018.

- Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Phạm T 10 (mười)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Phạm T** cho Ủy ban nhân dân phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu và tiêu hủy một gói niêm phong có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, ký hiệu MT43/PC54

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Zono, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 200.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị H số tiền 280.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vật chứng và tài sản tạm giữ hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/06/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đông Hà với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

4. Về án phí: Bị cáo V, H, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Công an TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- THA hình sự;
- UBND phường Đông Lương; UBND P1
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Yến